

Bản án số: 84/2022/DS-ST

Ngày 30/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2022/QĐXX - ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: phường x, quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Tuấn M – Trưởng phòng giao dịch Thới Bình – Chi nhánh Cà Mau (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Từ Văn N – sinh năm 1961 (có mặt), bà Lê Thị P – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Từ Kim H (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Chị Nguyễn Kim C (có mặt)

3/ Anh Lê Tự S (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 28/4/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Từ Văn N và bà Lê Thị P có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1711700030 để vay vốn. Theo đó, số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 11% áp dụng cho 03 tháng đầu, kể từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất huy động của kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ 4%/năm. Hình thức vay thế chấp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.307 m² thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp Nguyễn Huệ, xã Biển Bạch (nay là xã Tân Bằng) và tài sản trên đất được thể hiện chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 7346886.1.3 ngày 18/4/2017 đã ký kết giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà P đã trả được 35 kỳ với tổng số tiền vốn là 58.345.000 đồng và lãi phát sinh của mỗi kỳ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2022 ông N và bà P nợ Ngân hàng tổng số tiền 187.857.312 đồng. Trong đó vốn gốc 141.655.000 đồng, lãi trong hạn 31.819.571 đồng, lãi quá hạn 14.382.741 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp, nhắc nhở nhưng ông N và bà P vẫn không thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ khoản vay sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà P phải trả cho Ngân hàng số tiền 187.857.312 đồng đồng và khoản lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký giữa các bên.

Trong trường hợp ông N và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ yêu cầu cho phát mãi tài thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 7346886.1.3 ngày 28/4/2017 là quyền sử dụng phần đất có diện tích 19.307 m² thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp Nguyễn Huệ, xã Biển Bạch (nay là xã T) và tài sản trên đất để ưu tiên thanh toán nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Từ Văn N trình bày:

Ông N thừa nhận có nợ Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền vốn 141.655.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại xã T đúng như nội dung mà Ngân hàng đã khởi kiện và các tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp. Nay ông N thừa nhận tất cả các khoản nợ mà Ngân hàng đã yêu cầu và đồng ý trả cho nợ cho Ngân hàng cũng như việc xử lý tài sản thế chấp đã cam kết với Ngân hàng. Tuy nhiên ông N yêu cầu cho

ông thời gian để tìm người có đất lấy tiền trả cho Ngân hàng vì đây là số tiền lớn, nhất thời ông không tìm được nguồn tiền để trả cho Ngân hàng.

Đối với bà Lê Thị P, chị Từ Kim Hoan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự luật định nhưng bà P và chị H không có ý kiến về việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/7/2021, chị Nguyễn Kim C và anh Lê Tự S là người đang canh tác trên đất xác định phần đất anh chị đang quản lý được anh chị nhận cổ từ bà Lê Thị P và chị Từ Kim H vào ngày 29/4/2018 với giá 300.000.000 đồng, thời hạn cổ là 04 năm để nuôi tôm, đến ngày 29/4/2022 âm lịch là hết hạn cổ. Nay anh chị xác định không yêu cầu đối với hợp đồng cổ đất mà để các bên tự thỏa thuận với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng với ông N và bà P thì anh chị không có ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với người đang quản lý đất là chị C và anh S, Ngân hàng không có yêu cầu.

Ông N thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, ông đồng ý trả toàn bộ các khoản nợ mà Ngân hàng đã yêu cầu. Đối với hợp đồng cổ đất giữa bà P và chị H với chị C và anh S thì ông N không có ý kiến, ông N không có yêu cầu gì khác.

Chị C thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn đối với ông N và bà P và tự nguyện đất trong trường hợp phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị xét xử vắng mặt bà P, chị H và anh S, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng TMCP S, duy trì hợp đồng thế chấp để ưu tiên thanh toán nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, có dự nộp tạm ứng án phí được nhận lại; Bị đơn phải chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Từ Văn N và bà Lê Thị P trả số tiền nợ vay.

Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng; ông N và bà P có nơi cư trú tại xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Lê Thị P, chị Từ Kim Hoan và anh Lê Tự Song đã được Tòa án triệu hợp lệ để xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, chị H và anh S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông N và bà P là thực tế có xảy ra, thể hiện qua hợp đồng mà các bên đã ký kết. Tuy nhiên đến hạn mà ông bà không thực hiện, vì vậy ông N và bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S nên cần buộc ông N và bà P liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 187.857.312 đồng. Trong đó vốn gốc 141.655.000 đồng, lãi trong hạn 31.819.571 đồng, lãi quá hạn 14.382.741 đồng.

[3] Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N và bà P không thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng, thì hàng tháng ông N và bà P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được tính theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng được ký kết giữa các bên. Ngoài ra, cần duy trì hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp bất động sản số 7346886.1.3 ngày 28/4/2017 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì buộc bên xử lý tài sản phải bồi thường giá trị tài sản trên đất cho ông N và bà P theo định giá là 460.000 đồng.

[4] Đối với anh S và chị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, xét thấy hiện nay hợp đồng cổ đất giữa các bên đã đến hạn, các bên đã hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng và không có tranh chấp nên không yêu cầu. Trong trường hợp anh S và chị C có yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Chi phí tố tụng khác bao gồm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 1.000.000 đồng. Ngân hàng đã dự nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên buộc ông N và bà P có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch: Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, đã nộp được nhận lại. Ông N và bà P phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

[7] đương sự có quyền kháng cáo bản án, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào 157, 158, 165, 166, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Lê Thị P, chị Từ Kim H và anh Lê Tự S

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Từ Văn N và bà Lê Thị P thanh toán nợ vay.

3. Buộc ông Từ Văn N và bà Lê Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho của Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 187.857.312 đồng. Trong đó vốn gốc 141.655.000 đồng, lãi trong hạn 31.819.571 đồng, lãi quá hạn 14.382.741 đồng.

4. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N và bà P không thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng, thì hàng tháng ông N và bà P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được tính theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

5. Duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 7346886.1.3 ngày 28/4/2017 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

6. Chí phí tố tụng khác: Buộc ông N và bà P có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.000.000 đồng.

7. Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông N và bà P phải chịu số tiền 9.392.900 đồng (chưa nộp).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, ngày 10/12/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.802.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011382 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

8. Ngân hàng Thương mại cổ phần S, ông N và chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà P, chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi

